

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Số: 192/QĐ-HĐTV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động Công ty TNHH
một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Công văn số 5854/VP-CNN ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Căn cứ Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị Nhân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị trực thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố;
- Chi cục Tài chính DN;
- Ban Quản lý Đầu tư DN;
- Kiểm soát viên công ty;
- Các đơn vị trực thuộc công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Khải

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ
**Công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1.92/QĐ-HĐTV ngày 08 tháng 12 năm 2014 của
Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 6)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, trình tự, trách nhiệm công bố thông tin về hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6 nhằm đảm bảo tăng cường công khai, minh bạch về hoạt động của công ty, phù hợp với yêu cầu và quy định chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc công ty (gồm: Phòng Quản trị nhân sự; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Kế hoạch kỹ thuật) được Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc phân công nhiệm vụ thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với việc công bố thông tin hoạt động của công ty theo Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu sau:

- 3.1. “Công ty” là Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6;
- 3.2. “Các đơn vị trực thuộc công ty” là các đơn vị được Giám đốc phân công nhiệm vụ theo quy định tại Chương I, Điều 2 Quy chế này;
- 3.3. “Ngày làm việc” thực hiện để công bố thông tin hoạt động của Công ty được tính theo quy định của cơ quan quản lý hành chính nhà nước là từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

4.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Các đơn vị trực thuộc công ty được phân công thực hiện phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và đầy đủ của thông tin được công bố;

4.2. Việc công bố thông tin do các đơn vị trực thuộc công ty được phân công thực hiện phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố trước Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc;

4.3. Việc công bố thông tin được thực hiện trên cơ sở báo cáo công bố thông tin của công ty, ngày nộp báo cáo công bố thông tin là ngày gửi tính theo dấu bưu điện, ngày gửi fax, gửi thư điện tử (Email), ngày công bố trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc là ngày ghi trên giấy biên nhận nộp báo cáo công bố thông tin;

4.4. Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng, thay đổi đến thông tin đã công bố của công ty thì các đơn vị trực thuộc công ty được phân công thực hiện công bố thông tin phải xác nhận và điều chỉnh thông tin thay đổi hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin phải có văn bản báo cáo và giải trình cho Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty.

Điều 5. Các thông tin phải công bố

- 5.1. Báo cáo tình hình hoạt động của công ty;
- 5.2. Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của công ty;
- 5.3. Chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn của công ty;
- 5.4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của công ty;
- 5.5. Kế hoạch sắp xếp, đổi mới công ty và kết quả thực hiện;
- 5.6. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty;
- 5.7. Tiền lương, tiền thưởng của công ty.

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

6.1 Hình thức công bố thông tin gồm: văn bản, dữ liệu điện tử, cổng thông tin điện tử (www.dvciq6.com.vn).

6.2. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố thông tin bằng các báo cáo bằng văn bản, trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật;

6.3. Công ty xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử để thực hiện việc công bố thông tin đã nêu tại Điều 5, trong đó có công bố Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế khác (nếu có), công ty thông báo với cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin của công ty là tiếng Việt. Trường hợp quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm công bố thông tin

8.1. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin công bố được báo cáo và phê duyệt. Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo công bố thông tin cho cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung công bố thông tin được phê duyệt;

8.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty được phân công có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin của công ty đúng thời gian, bảo đảm các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi lãnh đạo công ty ký ban hành;

8.3. Công ty thực hiện trách nhiệm báo cáo các thông tin liên quan theo quy định của Luật Thống kê, Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin

9.1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, công ty phải báo cáo cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục;

9.2. Việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của công ty (trang thông tin điện tử, ấn phẩm khác), đồng thời công ty phải báo cáo cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin. Hồ sơ đề nghị thực hiện nội dung tạm hoãn công bố thông tin phải được nộp cho cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu chậm nhất là năm (05) ngày làm việc sau khi sự kiện bất khả kháng phát sinh. Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải rà soát, đánh giá, chấp nhận việc tạm hoãn công bố thông tin của doanh nghiệp và thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 10. Điều chỉnh nội dung công bố thông tin

Trong trường hợp điều chỉnh thông tin trong các nội dung công bố thông tin, công ty có trách nhiệm sửa đổi, cập nhật thông tin trên trang web của đơn vị trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt, công ty có trách nhiệm gửi báo cáo điều chỉnh công bố thông tin cho cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung điều chỉnh được phê duyệt, để thực hiện đăng tải thông tin theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

11.1. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, doanh nghiệp phải tiến hành công bố thông tin bất thường theo quy định pháp luật;

11.2. Công ty phải báo cáo cho cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố công khai thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a/ Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc tài sản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả;

b/ Tạm ngừng kinh doanh;

c/ Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề cụ thể;

d/ Có quyết định khởi tố đối với Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của công ty; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

e/ Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên);

f/ Quyết định vay có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn điều lệ trở lên tại thời điểm báo cáo gần nhất;

g/ Quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng;

h/ Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty.

Điều 12. Bảo quản, lưu giữ thông tin

12.1. Thông tin công bố phải được duy trì công bố tối thiểu là 05 năm;

12.2. Công ty công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

13.1. Công ty không đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định sẽ bị xem xét, đánh giá và xếp loại theo quy định của Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

13.2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 14. Công bố Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm

14.1. Công ty phải lập báo cáo tình hình hoạt động hàng năm theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Báo cáo tình hình hoạt động được lập, phê duyệt trong vòng 20 ngày, kể từ ngày báo cáo kiểm toán năm được phê duyệt. Thời hạn công bố Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp là trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi Báo cáo được cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu chấp thuận và Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám đốc công ty phê duyệt;

14.2. Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Các thông tin trong Báo cáo công bố tình hình hoạt động của doanh nghiệp phải đồng nhất và phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 15. Công bố báo cáo tài chính

15.1. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm, Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán. Thời hạn xây dựng báo cáo tài chính thực hiện theo Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

15.2. Báo cáo được phê duyệt không quá ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo đối với Báo cáo tài chính 6 tháng, không quá ngày 31 tháng 5 của năm sau đối với Báo cáo tài chính năm. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm của công ty là trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi báo cáo được Hội đồng thành viên phê duyệt (đối với Báo cáo tài chính 6 tháng), cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu chấp thuận và Hội đồng thành viên công ty phê duyệt (đối với báo cáo tài chính năm). Bản thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến phụ lục thì phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định;

15.3. Công ty phải công bố đầy đủ nội dung, thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, đồng thời công bố ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm;

15.4. Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty;

15.5. Báo cáo tài chính của công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh và các quy định khác của pháp luật.

Điều 16. Công bố chiến lược, kế hoạch phát triển công ty

16.1. Công ty phải công bố các nội dung về chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với chiến lược, kế hoạch và những nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của công ty, cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu của doanh nghiệp quyết định việc công bố.

16.2. Các đơn vị trực thuộc công ty được phân công phải rà soát, bảo đảm nội dung bí mật là phù hợp, tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về chiến lược, kế hoạch phát triển của công ty.

Điều 17. Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm

17.1. Công ty phải công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm, kèm theo các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trong năm liền trước năm kế hoạch của công ty, trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các nội dung, dự án của công ty mang tính chất quan trọng, liên quan và ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu của doanh nghiệp quyết định việc công bố.

17.2. Các đơn vị trực thuộc công ty được phân công phải rà soát, bảo đảm nội dung bí mật là phù hợp, tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của công ty.

Điều 18. Công bố kết quả kế hoạch sắp xếp, đổi mới công ty

Công ty phải công bố kế hoạch sắp xếp, đổi mới công ty trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi kế hoạch sắp xếp, đổi mới công ty được cấp có thẩm

quyền phê duyệt. Hàng năm, công ty phải công bố kết quả thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới công ty trước ngày 31 tháng 01 của năm liền sau năm thực hiện.

Điều 19. Công bố đánh giá hiệu quả hoạt động công ty

19.1. Công ty phải công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động trong vòng năm (05) ngày làm việc, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính đối với công ty do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty có vốn nhà nước.

19.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty được phân công phải công bố xếp loại công ty theo quy định tại Quyết định này và Chương 3 Điều 17 Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với công ty do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty có vốn nhà nước.